HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2021/NQ-HĐND	*Hậu Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 (không bao gồm nguồn thu vượt ngân sách hằng năm của tỉnh) là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra của cấp có thẩm quyền đối với việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị sử dụng vốn ngân sách địa phương.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm, nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025

Ngân sách địa phương chi đầu tư cho các đối tượng được quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 5 Luật Đầu tư công và quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

1. Nguyên tắc phân bổ vốn

a) Phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật.

c) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối lớn, an toàn nợ công.

d) Đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh.

đ) Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cơ sở hạ tầng địa bàn còn khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, các khâu đột phá của tỉnh, các cấp, các ngành.

g) Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

h) Dành vốn ngân sách dự phòng theo đúng quy định trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công.

Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện như sau:

- Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có).

- Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu có);

- Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

- Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

b) Cơ cấu phân bổ vốn

- Dành tối đa không quá 30% để phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

- Mức vốn còn lại chi các khoản theo quy định (Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; trả nợ vay Ngân hàng phát triển; trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...), phân bổ cho các sở, ban, ngành tỉnh và hỗ trợ một số địa phương.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách địa phương cho huyện, thị xã, thành phố

a) Các tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn gồm 5 nhóm như sau:

- Nhóm tiêu chí dân số, bao gồm: số dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số.

- Nhóm tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm: tỷ lệ hộ nghèo và thu nội địa.

- Tiêu chí diện tích.

- Nhóm tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm: tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm số xã, phường, thị trấn) và xã đặc biệt khó khăn.

- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm: xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới hoặc địa phương hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới, địa phương phát triển thành trung tâm đô thị - công nghiệp của tỉnh, địa phương thực hiện tốt việc xây dựng chính quyền điện tử và cải cách hành chính, đô thị là trung tâm tỉnh lỵ.

b) Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể *(chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 10 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP. HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Trần Văn Huyến

PHỤ LỤC

Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho huyện, thị xã, thành phố

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

1. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) Nhóm tiêu chí dân số, bao gồm: số dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Đến 80.000 người	10
Trên 80.000, cứ tăng thêm 15.000 người được thêm	2,5

Dân số trung bình của huyện, thị xã, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2020.

(2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số dân	Điểm
Cứ 5.000 người dân tộc thiểu số được	2

Số người dân tộc thiểu số của các huyện, thị xã, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2020.

b) Nhóm tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm: Tỷ lệ hộ nghèo và thu nội địa:

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo được	1

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu của công bố kết quả điều tra hộ nghèo năm 2020 theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo năm 2020.

(2) Điểm của tiêu chí thu nội địa:

Thu nội địa	Điểm
Các địa phương có số thu nội địa đến 60 tỷ đồng	4

Các địa phương có số thu nội địa trên 60 tỷ đồng, cứ 5 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	0,5

Số thu nội địa (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) được xác định số điểm căn cứ số thực hiện thu nội địa năm 2020 tính đến ngày 31/12/2020 (do Sở Tài chính cung cấp).

c) Tiêu chí diện tích: được tính theo diện tích đất tự nhiên.

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 200 km^2	8
Trên 200 km^2 đến 500 km^2, cứ 100 km^2 tăng thêm được tính	2,5

Diện tích đất tự nhiên để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2020.

d) Nhóm tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm: tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm số xã, phường, thị trấn) và xã đặc biệt khó khăn.

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã, phường, thị trấn được tính	1
Mỗi xã đặc biệt khó khăn được tính tăng thêm	1

Số đơn vị hành chính cấp xã để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu của Sở Nội vụ về số đơn vị hành chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Xã đặc biệt khó khăn căn cứ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025 (nếu có).

đ) Các tiêu chí bổ sung

Địa phương	Điểm
Mỗi xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	2
Mỗi xã nông thôn mới nâng cao	1
Mỗi xã nông thôn mới kiểu mẫu	1
Mỗi huyện nông thôn mới hoặc địa phương hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới	5
Địa phương phát triển thành trung tâm đô thị - công nghiệp của tỉnh	10
Địa phương thực hiện tốt việc xây dựng chính quyền điện tử và cải cách hành chính	1

Địa phương	Điểm
Đô thị là trung tâm tỉnh lỵ	2

Số xã, huyện nông thôn mới căn cứ theo Kế hoạch xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh.

2. Định mức phân bổ vốn

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố và tổng số điểm của 8 huyện, thị xã, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư công, theo các công thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số chung của huyện thứ i là A_i

+ Gọi số điểm của dân số huyện thứ i là h_i

+ Gọi số điểm của số dân tộc thiểu số huyện thứ i là k_i

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i$$

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo huyện thứ i là n_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất) huyện thứ i là o_i

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + o_i$$

- Điểm của tiêu chí diện tích:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i

+ Gọi số điểm diện tích tự nhiên là q_i

Điểm của tiêu chí diện tích huyện thứ i là:

$$C_i = q_i$$

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i là D_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã chung huyện thứ i là s_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí xã đặc biệt khó khăn huyện thứ i là t_i

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i là:

$$D_i = s_i + t_i$$

- Điểm của tiêu chí bổ sung:

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí bổ sung của huyện thứ i là L_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí xã nông thôn mới của huyện thứ i là E_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của huyện thứ i là F_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu của huyện thứ i là G_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí huyện nông thôn mới của huyện thứ i là H_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí địa phương phát triển thành trung tâm đô thị - công nghiệp của tỉnh là I_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí địa phương thực hiện tốt việc xây dựng chính quyền điện tử và cải cách hành chính là M_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đô thị là trung tâm tỉnh lỵ là N_i

Tổng số điểm của tiêu chí bổ sung của huyện thứ i là:

$$L_i = E_i + F_i + G_i + H_i + I_i + M_i + N_i$$

- Tổng điểm của huyện thứ i là:

Gọi tổng số điểm của huyện thứ i là X_i

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + L_i$$

- Tổng số điểm của 8 huyện, thị xã, thành phố là Y, ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{8} X_i$$

+ *Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:*

Gọi K là tổng số vốn của ngân sách địa phương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố.

Gọi Z là số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

+ *Tổng số vốn ngân sách của từng địa phương được tính theo công thức:*

Gọi V_i là số vốn ngân sách:

$$V_i = Z \times X_i$$